

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-ST
Ngày: 28/10/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bế Văn Hạnh và ông Bế Bình An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2022/TLST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HS ngày 19/9/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 1639/2022/HSST – QĐ ngày 29/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1708/HSST – QĐ ngày 11/10/2022 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Xuân M, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2000 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng.

Nơi ở hiện tại: Tổ XX, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không nghề; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; số căn cước công dân: 004300005195 cấp ngày 10/5/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Hoàng Văn Ph -sinh năm 1975 và con bà: Trịnh Thị H -sinh năm 1976; chồng: Lê Duy H1 – sinh năm 1993. Con: 01 con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Hoàng Thị Xuân M hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2022 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Xuân M: Luật sư Phùng Văn C và Luật sư Nguyễn Đắc Th – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MT, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Luật sư Phùng Văn C – có mặt. Luật sư Nguyễn Đắc Th – Vắng mặt.

- *Bị hại:* Bế Thị Th, sinh năm 2000. Trú tại: Xóm BL, xã ĐS, huyện QH, Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Duy H1, sinh năm 1993. Trú tại: Xóm LSH, xã HV, huyện HA, Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

2. Phùng Thanh T, sinh năm 2000. Trú tại: Xóm BL, xã ĐS, huyện QH, Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Mai Thị L – sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

2. Lâm Thị V1 – sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm BL, xã ĐS, huyện QH, Cao Bằng. Có mặt.

3. Hoàng Thị V2 – sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm NH, xã ĐL, huyện QH, Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 19/12/2021, Hoàng Thị Xuân M một mình đi xe khách đến nhà Bé Thị Th tại xóm Bó Luông, Đại Sơn, huyện Quảng Hòa để hỏi mua chiếc xe mô tô BKS: 11B1- 420.93 nhưng trên đường đi Th nhắn tin trao đổi lại cho M biết không đồng ý bán xe mô tô nói trên do chồng và bố mẹ chồng không đồng ý cho bán. Khoảng 13 giờ M đến nhà Th thì gặp bà Lâm Thị V1 (mẹ chồng Th), sau đó M và Th nói chuyện riêng, M thuyết phục Th bán xe mô tô cho M nhưng Th không đồng ý bán. Sau đó, M hỏi mượn xe của Th để sử dụng, hẹn hai tuần sau sẽ trả. Do là anh em họ hàng nên tin tưởng và Th đang chăm con nhỏ chưa có nhu cầu sử dụng nên Th đồng ý và giao xe mô tô cùng chìa khóa, giấy tờ xe cho M, M nhận xe rồi điều khiển xe đi về. Đến chiều cùng ngày Th nhận được số tiền 2.050.000 đồng do M chuyển đến tài khoản Th mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội MBBank để trả các khoản vay nợ trước đó. Tuy nhiên, khi đem xe mô tô biển kiểm soát 11B1 – 420.93 ra đến thành phố Cao Bằng do các khoản vay nợ từ trước đã đến hạn phải trả và bị chủ nợ đòi nên M đã nghĩ đem chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 – 420.93 để lấy tiền trả nợ nên M đã lấy chiếc xe đi bán cho chị Mai Thị L, sinh năm 1987, tại cửa hàng XT thuộc tổ X, phường NX, thành phố CB được số tiền là 20.500.000 đồng. Số tiền bán xe mô tô có được M đem sử dụng vào việc cá nhân hết. Đến hẹn không thấy M trả xe, Th đã nhiều lần nhắn tin yêu cầu M đem xe vào trả nhưng M đưa ra nhiều lý do như con ốm, bận việc, do bị cách ly Covid nên không đem xe vào được.

Đến khoảng đầu tháng 01/2022, sau nhiều lần nhắn tin yêu cầu M trả xe nhưng không được, Th trực tiếp đến nhà tìm gặp M thì được M cho biết đã bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1- 420.93 và hứa hẹn sẽ chuộc lại xe trả cho Th, còn nếu không chuộc được sẽ mua xe khác đền cho Th. Sau đó M vẫn không trả xe nên

Th đã nhắn tin cho M yêu cầu trả số tiền 23.000.000 đồng, M đồng ý trả tiền và hứa hẹn sẽ chuyển tiền qua tài khoản để trả nhưng vẫn không thấy M trả nên ngày 01/4/2022 Th đã tố cáo hành vi của M đến Công an huyện Quảng Hòa.

Ngày 19/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã yêu cầu định giá tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, màu trắng đen, BKS: 11B1- 420.93. Tại Kết luận định giá tài sản số 11 ngày 25/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Quảng Hòa, kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô BKS: 11B1- 420.93 là 29.600.000 đồng.

Quá trình lấy lời khai ban đầu M khai nhận: Ngày 19/12/2021, M một mình đi xe khách từ thành phố Cao Bằng đến thị trấn Hòa Thuận, Quảng Hòa, Cao Bằng rồi bắt xe Taxi vào nhà của Th để hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1-420.93 của Th về phục vụ nhu cầu đi lại hẹn hai tuần sau sẽ trả, Th đồng ý và giao xe cùng giấy tờ xe cho M. Sau đó M một mình điều khiển xe về nhà tại tổ XX, phường SB, thành phố CB. Khi về đến nhà được khoảng 02 giờ, do thiếu nợ nhiều người đã đến hạn trả mà chưa có tiền và chủ nợ đến nhà đòi nên đã nảy sinh ý định đem xe mô tô của Th đi bán lấy tiền trả nợ trước, sau đó sẽ chuộc lại xe trả cho Th. Đến chiều cùng ngày M đem chiếc xe mô tô trên đến bán tại cửa hàng XT ở tổ X, Phường NX, thành phố CB với giá 20.500.000 đồng. Số tiền bán xe có được M đem đi trả nợ và sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tuy nhiên, đến ngày 17/6/2022 bị cáo M thay đổi lời khai và khai nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, màu trắng đen, biển kiểm soát: 11B1-420.93 là do M mua với Th, không phải mượn của Th. Cụ thể: Trước đó vào khoảng giữa tháng 11/2021, M và Th có trao đổi với nhau về việc mua bán xe bằng hình thức gọi điện thoại trực tiếp và nhắn tin trên ứng dụng Messenger (tên tài khoản “Hoàng Xuân M”) và thống nhất Th sẽ bán chiếc xe mô tô trên cho M với giá 23.000.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ ngày 25/12/2021, M đến nhà gặp Th và hai bên tiếp tục thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc mua bán xe với giá 23.000.000 đồng, không làm giấy tờ mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói. M trả cho Th tổng số tiền là 3.000.000 đồng tiền mua xe, trong đó M trực tiếp đưa 1.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản qua ứng dụng VIETTEL Pay số tiền 2.000.000 đồng đến tài khoản Th mở tại ngân hàng MBBank, số tiền còn lại M sẽ trả sau và không hẹn ngày trả. Sau đó M một mình điều khiển xe mô tô trên đi về nhà tại tổ XXX, phường ĐT, thành phố CB. Đến ngày 20/01/2022 M đem chiếc xe mô tô đi bán cho cửa hàng XT được 20.000.000 đồng (nhận tiền mặt), khi bán xe M có làm hợp đồng mua bán. Sau khi bán xe được một ngày thì M có gọi điện thông báo cho Th và Th không có ý kiến gì. Sau đó M có trao đổi lại với Th là do bán xe được 20.000.000 đồng nên sẽ trả cho Th số tiền còn lại là 17.000.000 đồng (do trước đó đã trả trước 3.000.000 đồng theo M khai nhận) nhưng Th không đồng ý và yêu cầu M phải trả đủ số tiền 23.000.000 đồng. Do không thống nhất được việc trả số tiền còn lại của chiếc xe nên đến nay M chưa trả số tiền còn lại cho Th.

Ngoài ra, bị cáo Hoàng Thị Xuân M còn khai nhận quá trình trao đổi mua bán xe mô tô với Th không làm hợp đồng mua bán nhưng có bằng chứng để chứng minh giữa bị cáo và Th có giao dịch mua bán. Đó là các nội dung tin nhắn Th đồng ý bán

xe cho M được lưu trong điện thoại di động của M nhưng M không cho biết là chiếc điện thoại nào và để ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã yêu cầu M cung cấp chứng cứ và giao nộp chiếc điện thoại bên trong có chứa đựng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng M từ chối cung cấp và không đưa ra lý do. Căn cứ lời khai của M, ngày 07/7/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã thi hành Lệnh khám xét tại chỗ ở của M tại tổ XX, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng quá trình khám xét không phát hiện, tạm giữ đồ vật tài liệu liên quan.

Đối với Mai Thị L, sinh năm 1987, trú tại: Tổ X, phường NX, thành phố CB, Cao Bằng khi mua xe với Hoàng Thị Xuân M dù biết xe không chính chủ nhưng khi M cung cấp Thẻ căn cước công dân và nói là xe mua lại đang cần tiền nên bán. Do đó chị L không biết đây là xe do phạm tội mà có nên đã mua xe với giá 20.500.000 đồng và có làm giấy tờ mua bán. Đến ngày 08/01/2022, chị L đã bán chiếc xe mô tô trên cho chị Hoàng Thị L1, trú tại: xã TS, huyện CM, Bắc Kạn với giá 25.000.000 đồng. Qua xác minh chị L1 hiện không có mặt tại địa phương, hiện nay ở đâu chính quyền và gia đình không có thông tin.

Ngày 18/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Hòa đã ra Thông báo truy tìm vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, màu trắng đen, BKS: 11B1- 420.93 nhưng đến nay chưa có kết quả.

Đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, tạm giữ của vụ án: Không có.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKSQH ngày 16/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Hoàng Thị Xuân M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Ban đầu, bị cáo Hoàng Thị Xuân M khai nhận trước đó giữa bị cáo M và Bé Thị Th có trao đổi với nhau về việc mua bán chiếc xe mô tô hãng HONDA, loại VISION, màu sơn trắng, biển kiểm soát 11B1 – 420.93 vào khoảng giữa tháng 11 năm 2021 với giá 23.000.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo không nhớ cụ thể ngày chỉ nhớ khoảng 13 giờ, ngày 20 hay ngày 25/12/2021 bị cáo M đến nhà Th lấy xe mô tô, khi đến nhà có gặp mẹ chồng của Th, sau đó mẹ chồng của Th đi làm thì bị cáo M và Th trao đổi về việc mua bán chiếc xe mô tô trên, Th đã giao chiếc xe mô tô HONDA, loại VISION, màu sơn trắng và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Bé Thị Th cho bị cáo M. Sau đó M điều khiển xe mô tô của Th về nhà tại Tổ XXX phường ĐTh, thành phố CB, Cao Bằng. Khi về đến nhà bị cáo M có chuyển khoản qua tài khoản Viettel Pay vào tài khoản MB Bank của Bé Thị Th số tiền 2.050.000 đồng. Đến đầu tháng 01 năm 2022 không nhớ rõ ngày bị cáo M đã bán xe mô tô cho cửa hàng XT ở phường NX, thành phố CB với giá 20.050.000 đồng, khi bán xe có lập giấy tờ mua bán nhưng không nhớ ngày ghi trên giấy tờ mua bán. Do không thống nhất được với Th về số tiền mua bán xe mô tô nên bị cáo M chưa trả tiền cho Th. Những hình ảnh, nội dung tin nhắn trao đổi giữa Th và M qua tin nhắn trên ứng

dụng Facebook Messenger tại tài khoản “Hoàng Xuân M” mà Th cung cấp cho Cơ quan điều tra là đúng.

Bị hại chị Bé Thị Th yêu cầu bị cáo Hoàng Thị Xuân M bồi thường giá trị chiếc xe mô tô theo giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Quảng Hòa là 29.600.000 đồng. Về hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Duy H1 có đơn xin vắng mặt, trong đơn có nêu ý kiến là không biết vợ (bị cáo M) mua xe mô tô với Th từ khi nào, không thấy vợ đem xe mô tô về nhà, mua bán được bao nhiêu tiền và chiếc xe M mua với Th đang ở đâu không rõ, không hỏi vợ về việc này, vợ cũng không kể cho biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra T khai nhận khi biết được M mượn xe chưa trả có được nhắn tin cho M đòi lại xe nhưng không được. Trong đơn xin vắng mặt T xác nhận chiếc xe mô tô Th cho M mượn là tài sản riêng của Th trước hôn nhân, khi về làm dâu Th mang về để gia đình sử dụng chung và đồng ý là tài sản chung vợ chồng.

Người làm chứng Mai Thị L có đơn xin vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra đã khai nhận được mua xe với Hoàng Thị Xuân M vào chiều ngày 19/12/2021 với giá 20.500.000 đồng và có làm giấy tờ mua bán. Đến ngày 08/01/2022, chị L đã bán chiếc xe mô tô trên cho chị Hoàng Thị L1, trú tại: xã TS, huyện CM, Bắc Kạn với giá 25.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 175; điểm i, n, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị Xuân M từ 12 đến 18 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập, không có việc làm nên không áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc trả bị cáo Hoàng Thị Xuân M có trách nhiệm bồi thường cho chị Bé Thị Th số tiền là 29.600.000 đồng tương ứng với giá trị chiếc xe theo giá Hội đồng định giá.

Tại phần tranh luận:

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Xuân M: Nhất trí về tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo M hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì có những thời điểm lời khai của bị cáo M phù hợp với các tài liệu, chứng cứ

mà Cơ quan điều tra đã thu thập được nhưng trong quá trình điều tra, truy tố có sự biến chuyển về tư duy, nhận thức của bị cáo M dẫn đến lời khai không đúng, không phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay Luật sư hỏi rằng việc khởi tố, truy tố, xét xử có oan hay không, có sai hay không bị cáo đều cho rằng không oan, không sai. Việc thành khẩn đã được thể hiện ngay giai đoạn đầu khi điều tra và tại phiên tòa hôm nay từ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm của mình trực tiếp xâm phạm về quyền sở hữu đối với bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử đưa ra hình phạt vừa có tính răn đe, giáo dục, cải tạo để bị cáo có cơ hội sửa chữa và hoàn thiện bản thân mình trong cuộc sống. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng bị cáo M có nơi cư trú rõ ràng, chồng bị cáo làm trong lực lượng quân đội nhưng trong cuộc sống bị cáo không có việc làm, nuôi con nhỏ hay ốm đau chịu nhiều sức ép về tài chính. Việc sử dụng số tiền sau khi bán xe mô tô đều thể hiện vào việc chăm con ốm đau, khám bệnh, chữa bệnh, trước khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và hiện tại đang mang thai. Tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thấp hơn mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là Cải tạo không giam giữ từ mức 12 đến 24 tháng là phù hợp vì bị cáo còn trẻ, có thể có nội dung chưa nhận thức hết được, bị cáo M cam đoan bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại.

Viện kiểm sát đối đáp: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo M khai chưa đầy đủ quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra không cung cấp các tài liệu, chứng cứ gây khó khăn trong quá trình công tác điều tra. Bị cáo chưa thực sự thể hiện sự ăn năn, hối cải nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

Luật sư đối đáp: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo mức Luật sư đã đề nghị.

Viện kiểm sát đối đáp: Về mức hình phạt, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên mức đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhận thấy một số tình tiết bị cáo thừa nhận phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa bị cáo cũng khẳng định điều tra, truy tố không oan, không sai. Xét thấy cần làm rõ một số tình tiết trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử trở lại phân xét hỏi.

Sau khi trở lại phân hỏi bị cáo M đã nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin nhận tội, thành khẩn khai nhận hành vi của bị cáo như đã truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 175; điểm i, s, n, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị Xuân M từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 36 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập, không có việc làm nên không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Thị Xuân M có trách nhiệm bồi thường cho chị Bé Thị Th số tiền là 29.600.000 đồng tương ứng với giá trị chiếc xe theo giá Hội đồng định giá.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đồng ý với mức đề nghị về trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát cũng như trách nhiệm dân sự. Luật sư, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo có đơn khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên và không đồng ý với tất cả nội dung trong bản kết luận điều tra và nội dung bản Cáo trạng bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo là quan hệ dân sự. Tại thông báo số 449/TB ngày 19/9/2022 về việc trả lời đơn khiếu nại của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã trả lời việc khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên là không có căn cứ và quá thời hạn giải quyết khiếu nại. Bản kết luận điều tra đối với vụ án trên là có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật. Đối với khiếu nại toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, tại Công văn trả lời đơn khiếu nại số 2137/CV-VKSCB.P2 ngày 04/10/2022 khẳng định việc truy tố bị can Hoàng Thị Xuân M về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tố tụng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa đề nghị Tòa án triệu tập anh Lê Duy H1 với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Tòa án đã đưa vào quyết định đưa vụ án ra xét xử với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy tại phiên tòa bị cáo M khai nhận H1 không biết M mượn xe của Thảo, số tiền M bán xe được H1 không biết, không dùng vào việc chi tiêu chung gia đình mà tiêu sài cá nhân. Quá trình điều tra H1 cũng khai nhận không biết M mua bán xe với Th, không thấy M mang xe về, không biết M bán được bao nhiêu tiền, vợ chồng

tài chính độc lập, M vay mượn ai H1 không biết. Do đó việc xác định Lê Duy H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận:

Ngày 19/12/2021, Hoàng Thị Xuân M đến nhà của Bé Thị Th mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng đen, biển kiểm soát 11B1 – 420.93 để làm phương tiện đi lại và hẹn hai tuần sau trả. Sau khi mượn được xe mô tô của Th, chiều cùng ngày M một mình điều khiển xe mô tô về đến thành phố Cao Bằng, do các khoản nợ đến hạn phải trả và bị chủ nợ đòi tiền nên M đã tự ý mang chiếc xe trên đi bán tại Cửa hàng XT tại Tổ X, phường NX, thành phố CB lấy số tiền là 20.500.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến hẹn trả xe cho Th nhưng M đưa ra nhiều lý do để không mang xe vào cho Th. Sau khi Th biết được M đã bán chiếc xe mô tô của mình thì Th và những người thân trong gia đình đã nhiều lần yêu cầu M trả xe thì được M hứa sẽ chuộc lại chiếc xe đem trả nhưng sau nhiều ngày M vẫn không trả nên Th đã yêu cầu M trả số tiền 23.000.000 đồng và M đồng ý. Qua nhiều ngày, nhiều lần hứa hẹn đến nay M vẫn chưa trả cho Th số tiền như M đã hứa.

Quá trình điều tra bị cáo M thay đổi lời khai và cho rằng ngày 25/12/2021 bị cáo đến nhà Th để mua xe mô tô, ngày 20/01/2022 đem xe mô tô đi bán cho chị Mai Thị L tại cửa hàng xe máy XT nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 19/12/2021 bị cáo M đã đến nhà Th và mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng đen, biển kiểm soát 11B1 – 420.93 của Th để làm phương tiện đi lại, sau khi mượn được xe mô tô chiều ngày 19/12/2021 bị cáo đã đem chiếc xe mô tô của Th đi bán cho chị Mai Thị L tại cửa hàng xe máy XT (Cửa hàng mua bán xe máy cũ), khi bán có lập hợp đồng mua bán xe. Bé Thị Th có cung cấp hình ảnh nội dung tin nhắn trao đổi giữa bị cáo và Th chứng minh vào ngày 19/12/2021 M đã đến nhà Th và được Th thông báo không bán chiếc xe mô tô trên do chồng và gia đình chồng không nhất trí, sau đó cho M mượn chiếc xe mô tô trên. Như vậy, bị cáo M khai đã mua xe mô tô của Th là không có căn cứ vì căn cứ vào những nội dung tin nhắn Th chỉ cho mượn chứ không bán, đồng thời tại giấy mua bán xe và lời khai của chị Mai Thị L cửa hàng XT cung cấp cho thấy bị cáo bán xe mô tô cho của hàng vào chiều ngày 19/12/2022, việc thay đổi lời khai của bị cáo không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập được. Tại phiên tòa ban đầu bị cáo Minh không thừa nhận mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng đen, biển kiểm soát 11B1 – 420.93 của Th, sau khi tranh luận nghe quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo đã nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin nhận tội,

thừa nhận hành vi của bị cáo như đã truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai ban đầu của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được.

Do đó, hành vi của bị cáo Hoàng Thị Xuân M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Hoàng Thị Xuân M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất mức độ của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại để được giao tài sản là chiếc xe mô tô, sau khi có được chiếc xe mô tô bị cáo đã đem chiếc xe đi bán khi chưa được sự đồng ý của bị hại để lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân và không trả lại được. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Khi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì bản chất xem thường pháp luật và vụ lợi cho bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm minh để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo chưa thành khẩn khai báo, thay đổi lời khai nhằm gây khó khăn cho công tác điều tra và tại phiên tòa bị cáo ban đầu chưa khai báo đầy đủ hành vi phạm tội, sau khi nghe quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo đã nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật nên đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện nay đang mang thai; hành vi của bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo”, “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “người phạm tội là phụ nữ có thai” và “đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi” quy định tại điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo, tình tiết giảm nhẹ cũng như các vấn đề khác liên quan trong vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang mang thai vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, cảnh tỉnh, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Thị Xuân M mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 – 420.93 của Bé Thị Thảo đi bán cho chị Mai Thị L cửa hàng xe máy XT lấy số tiền là 20.500.000 đồng. Đến ngày 08/01/2022, chị L đã bán chiếc xe mô tô trên cho chị Hoàng Thị L1 – trú tại: xã TS, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn với giá 25.000.000 đồng. Qua xác minh không xác định được chị L1 hiện nay ở đâu. Ngày 18/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã ra thông báo truy tìm vật chứng là chiếc xe trên nhưng đến nay chưa có kết quả. Do đó, chị Bé Thị Th và anh Phùng Thanh T yêu cầu bị cáo M phải bồi thường giá trị chiếc xe theo giá Hội đồng định giá 29.600.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận. Bị cáo cũng nhất trí bồi thường theo giá của Hội đồng định giá.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 175 và điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Xuân M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt: bị cáo Hoàng Thị Xuân M **15 (mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị Xuân M cho Ủy ban nhân dân phường SB, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; các điều 357, 584, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Thị Xuân M có trách nhiệm bồi thường cho chị Bé Thị Th và anh Phùng Thanh T – Cùng trú tại: Xóm BL, xã ĐS, huyện QH, Cao Bằng số tiền là 29.600.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Thị Xuân M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự có giá ngạch là 1.480.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo, bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Sở tư pháp;
- THA hình sự;
- Bị cáo, những người TGT;
- Lưu: Án văn, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Quốc Khánh